TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 320/2026/DS-PT Ngày: 13/04/2026 V/v tranh chấp *"Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhàn;

Bà Lâm Ngọc Tuyền;

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Xuân Nhật - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:*** Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 13 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp *"Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 110/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 756/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị P**, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà P: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản uỷ quyền ngày 15-7-2024 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Tô Thanh D**, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1981, (có mặt).

Địa chỉ: Số D L, Phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang Giang. Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

3.2. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang Giang. Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1981, (có mặt).

Địa chỉ: Số D L, Phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

- Trong đơn khởi kiện ngày 01-4-2024, nguyên đơn bà Phạm Thị P và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị P1 là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 20-8-2018, bà P có nhận chuyển nhượng của ông Tô Thanh D quyền sử dụng thửa đất số 2096, tờ bản đồ số C2, diện tích đất 446,9 m², địa chỉ thửa đất tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang do ông D đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00900 ngày 27-9-2017 với số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Bà P có đặt cọc cho ông D số tiền 40.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận ngày 20-8-2018.

Đến ngày 20-9-2018, bà P giao tiếp cho ông D số tiền còn lại là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), nhưng ông D không chịu, mà kêu bà P phải giao thêm cho ông D số tiền 10.000.000 đồng nữa. Do bà cần nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở, nên buộc lòng bà phải chấp nhận đưa ông D số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Ông D đã giao đất cho bà P quản lý, sử dụng, xây dựng nhà ở, trồng cây trên đất cho đến nay, nhưng ông D chưa làm thủ tục chuyển nhượng để bà P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau đó, bà P gặp ông D rất nhiều lần, yêu cầu ông D thực hiện, làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà, nhưng ông D không thực hiện. Gần đây thì ông D nói bà P chưa giao đủ tiền, khi nào giao đủ thì ông sẽ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P.

Bà P yêu cầu giải quyết: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị P và ông Tô Thanh D đối với thửa đất số 2096, tờ bản đồ số C2, diện tích 446,9m^2 tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang do ông Tô Thanh D đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ờ và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00900 ngày 27-9-2017. Buộc ông D phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất cho bà P.

Tại các biên bản Tòa án hòa giải ngày 05-7-2025, 14-8-2025 bị đơn ông Tô Thanh D trình bày:

Vào ngày 20-8-2018, ông có chuyển nhượng cho bà Phạm Thị P quyền sử dụng thửa đất số 2096, tờ bản đồ số C2, diện tích 446,9m^2 tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang do ông đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ờ và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00900 ngày 27-9-2017 với số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Bà P có đặt cọc cho ông số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Hai bên có làm biên nhận do ông viết, nhưng giấy biên nhận do bà P nộp cho Toà án không phải là giấy biên nhận mà ông đã viết, cũng không phải chữ ký của ông. Số tiền còn lại khi nào bà P giao đủ cho ông thì ông sẽ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P, nhưng đến nay bà P không giao tiền cho ông. Do thấy bà P không có đất cất nhà ở nên ông đã giao đất cho bà P vào ngày 20-8-2018, sau đó bà P đã cất nhà trên đó. Nay, qua yêu cầu khởi kiện của bà P ông không đồng ý. Do thời gian đã quá lâu, bà P không giao đủ tiền cho ông, ông yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên giữa ông với bà P, yêu cầu bà P tháo dỡ, di dời nhà trả đất lại cho ông, ông hoàn lại cho bà P số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Trường hợp ông thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P thì bà P phải trả tiếp cho ông số tiền tương ứng với phần giá trị quyền sử dụng đất mà bà P chưa giao đủ tiền cho ông, yêu cầu trả theo giá thị trường theo Hội đồng định giá đã định giá.

Tại bản tự khai ngày 06-9-2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Trước đây, ông và bà Phạm Thị P (vợ ông) cùng ông D có thỏa thuận ông D chuyển nhượng cho vợ chồng ông quyền sử dụng thửa đất số 2096, từ bản đồ số C2, diện tích 446,9m² tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang với giá là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Để thực hiện giao kết hai bên thỏa thuận thống nhất tiền đặt cọc như sau:

Lần 1: Vào ngày 20-8-2018, ông và bà P đã đặt cọc số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), khi giao đủ tiền thì hoàn thành thủ tục giấy tờ, có Nguyễn Văn Y K và Nguyễn Kim L chứng kiến.

Lần 2: Vào ngày 20-9-2018, ông và bà P giao cho ông D số tiền còn lại là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), nhưng ông D không chịu mà kêu ông phải giao cho ông D thêm số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Do ông cần nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở nên ông chấp nhận đưa cho ông D số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), trong khi trước đó 02 bên đã thỏa thuận với số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Ông D đã giao đã cho ông quản lý, sử dụng, xây dựng nhà ở trồng cây trên đất cho đến nay nhưng lúc đó ông D chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông theo thỏa thuận mà nói là để làm sau.

Sau đó, vợ chồng ông đã gặp ông D rất nhiều lần yêu cầu ông D làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông, nhưng ông D hẹn hoài. Gần đây thì ông D nói ông chưa trả tiền đủ, khi nào trả đủ tiền thì ông D làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông. Trong khi đó, ông đã giao cho ông D số tiền là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), giao dư 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Ông và bà P có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P hòa giải để ông D làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông, nhưng hòa giải không thành.

Ông yêu cầu giải quyết buộc ông D phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông và bà P đối với thửa đất số 2096, tờ bản đồ C2, diện tích 446,9m² tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang hiện do ông D đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại biên bản Tòa án hòa giải ngày 17-9-2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà là vợ ông Tô Thanh D, bà thống nhất như ý kiến và yêu cầu của ông D.

Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp, đã áp dụng: Điều 500, 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P.

1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tô Thanh D và bà Phạm Thị P đối với thửa đất số 2096, tờ bản đồ số C2, diện tích 446,9$m^{2,}$ địa chỉ tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) do ông Tô Thanh D đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00900 ngày 27-9-2017.

Bà P có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2096 nêu trên.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Tô Thanh D hoàn lại cho bà Phạm Thị P số tiền 5.000.000 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

- Ngày 17 tháng 11 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 là ông Nguyễn Hoàng A tranh luận: Bà T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không có yêu cầu thu thập thêm chứng cứ, đề nghị cấp phúc thẩm đánh giá lại toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kháng cáo của bà T1, sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị P là anh Nguyễn Văn T tranh luận: Bà T1 kháng cáo nhưng không có cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Bà T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Cấp sơ thẩm không buộc bà P trả số tiền còn lại cho ông D nhưng công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không giải quyết triệt để vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà T1, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 110/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp, buộc bà P trả cho anh D số tiền chuyển nhượng đất chưa thanh toán theo giá thị trường hiện tại là 297.093.000 đồng, bà P phải chịu án phí đối với số tiền phải trả.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về "*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*" là có căn cứ.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2025/DS-ST, đến ngày 17 tháng 11 năm 2025, bà T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên khi được tống đạt bản án hợp lệ đã có đơn kháng cáo. Như

vậy, kháng cáo của bà T1 còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét.

[3]. Xét nội dung kháng cáo: Chị T1 yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1]. Tòa cấp sơ thẩm căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nhận định: Bà P, anh D, bà T1, ông Q thừa nhận vào ngày 20-8-2018, bà Phạm Thị P có nhận chuyển nhượng của ông Tô Thanh D quyền sử dụng thửa đất số 2096, tờ bản đồ số C2, diện tích 446,9m^2 tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) do ông D đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00900 ngày 27-9-2017 với số tiền là 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng).* Theo bà P khẳng định đã giao cho ông D số tiền 130.000.000 đồng làm 02 lần: lần đầu giao số tiền 40.000.000 đồng lần 2 giao 90.000.000 đồng có làm biên nhận. Theo ông D trình bày thì ông chỉ nhận số tiền 40.000.000 đồng, không có nhận số tiền 90.000.000 đồng, biên nhận ngày 20/9/2018 không phải ông viết. Bà P không có căn cứ chứng minh ông D đã nhận của bà số tiền 90.000.000 đồng vì *"20/9/2018, 2 tháng chồng 90.000.000đ chín chục triệu đồng chẳng"* không phải là biên nhận giao số tiền 90.000.000 đồng mà là cam kết giữa các bên nên theo hợp đồng bà P vẫn còn nợ ông D 80.000.000 đồng chưa thanh toán. Cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng nhưng tách việc bà P phải có trách nhiệm thanh toán phần tiền còn thiếu cho ông D ra để giải quyết bằng vụ án khác là chưa giải quyết triệt để vụ án ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D.

[3.2]. Xét việc ông D yêu cầu bà P trả phần tiền chuyển nhượng theo giá thị trường tại thời điểm xét xử là có căn cứ do thực tế ông D đã giao đất cho bà P và bà P đã xây nhà ở ổn định, bà P không có đất nào khác để ở. Ông D cũng muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng và yêu cầu bà P trả phần còn lại theo giá thị trường tại thời điểm xét xử. Hội đồng xét xử xác định bà P mới chỉ giao cho ông D số tiền 40.000.000 đồng tương đương 148,9m^2 đất như vậy còn lại diện tích 298 m^2 đất chưa thanh toán nhân với giá đất theo định giá thực tế 1.000.000 đồng thành tiền 298.000.000 đồng nên cần thiết sửa án sơ thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng, buộc bà P trả cho ông D số tiền còn thiếu theo giá thị trường là 298.000.000 đồng. Bà P ông D mỗi người phải chịu 50% chi phí tố tụng, bà P đã nộp 5.000.000 đồng nên buộc ông D trả cho bà P 2.500.000 đồng.

[4]. Bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị P chịu án phí trên số tiền 298.000.000 đồng phải trả cho ông D là 14.900.000 đồng. Ông Tô Thanh D chịu 300.000 đồng.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T1 không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

[7]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 500, 357 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P.

1.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tô Thanh D và bà Phạm Thị P đối với thửa đất số 2096, tờ bản đồ số C2, diện tích 446,9$m^{2,}$ địa chỉ tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) do ông Tô Thanh D đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00900 ngày 27-9-2017.

Bà P có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2096 nêu trên.

Buộc bà P phải thanh toán cho ông D số tiền chuyển nhượng còn thiếu là 298.000.000 đồng.

1.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Phạm Thị P chịu 2.500.000 đồng. Buộc ông Tô Thanh D hoàn lại cho bà Phạm Thị P số tiền 2.500.000 đồng.

1.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Tô Thanh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị P chịu 14.900.000 đồng, khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003315 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

(nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đồng Tháp). Vậy, bà P phải nộp tiếp 14.600.000 đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008799 ngày 21/11/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà T1 đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- Án tuyên lúc 10 giờ 15 phút và kết thc lúc 10 giờ 25 phút cùng ngày 13/4/2026, có mặt ông Hoàng A, ông T, các đương sự còn lại vắng mặt.

Nơi nhận:
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 3 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (TK Nhật).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Tính